

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 03 - 2018
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Quý và ông Quách Xuân Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N - sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn T, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân M - sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn T, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt chị N, anh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2018, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân M kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam ngày 26/01/2008 và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một đến hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh M chơi bời, cờ bạc, bản thân chị cùng với gia đình đã nhiều lần khuyên nhưng anh M không nghe mà còn chửi bới đánh đập chị nhiều lần, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ ngày 20/8/2017 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, trong thời gian sống ly thân anh M thường xuyên đe dọa chị. Mâu thuẫn giữa chị và anh M đã được gia đình, chính quyền địa phương hòa giải

nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/12/2008 và cháu Nguyễn Trần Bảo N1, sinh ngày 20/9/2017, vợ chồng không có con nuôi, con riêng. Hiện cháu T đang ở với anh M, còn cháu Bảo N1 đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bảo N1, còn anh M nuôi dưỡng cháu T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Xuân M đến Tòa án làm việc và làm bản tự khai, sau khi làm bản tự khai xong anh M tự xé bản tự khai mà không nộp cho Tòa án. Tòa án tiến hành lấy lời khai nhưng anh Nguyễn Xuân M không hợp tác khai báo. Vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh M được. Quá trình Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh M đến Tòa án song cố tình không hợp tác, nên phiên họp không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Xuân M trình bày: Về thời điểm kết hôn, thủ tục kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng anh nhất trí với phần trình bày của chị N, ngoài ra anh M còn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N có mối quan hệ với người khác, nhưng đến nay anh không có chứng cứ gì, vợ chồng sống ly thân từ 20/8/2017 đến nay. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung như chị N đã trình bày, ngoài ra vợ chồng không có con nuôi, con riêng. Hiện cháu T đang ở với anh, còn cháu Bảo N1 đang ở với chị N. Khi ly hôn anh đề nghị tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, còn chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bảo N1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Nguyên vọng của cháu Nguyễn Anh T: Khi bố mẹ ly hôn, cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ để được mẹ chăm sóc.

* Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm yêu cầu của Tòa án về việc cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội

đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Xuân M. Về con chung: giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/12/2008 cho anh Nguyễn Xuân M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu Nguyễn Trần Bảo N1, sinh ngày 20/9/2017 cho chị Trần Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào .

Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không yêu cầu vì vậy không đề cập giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của chị N nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm của chị và anh M theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Xuân M có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn T, xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Xuân M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

[2] Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự khi tham gia tố tụng tại Tòa: Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn đã nhận được giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án, đã được giải thích quy định của pháp luật, song không chấp hành pháp luật như đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm đã nêu ở trên là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Xuân M kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã LC, huyện TL, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/01/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn (khoảng một đến hai năm) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M không chịu làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, mãi mê chơi cờ bạc, chị N và gia đình đã khuyên bảo anh M thì anh M không những không nghe mà còn hành hạ đánh đập chị, vợ chồng không bao giờ được nhau, không thông cảm và chia sẻ với nhau, không tìm thấy tiếng nói chung để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Thực tế chị N đang mang thai gần đến ngày sinh đã phải về nhà bố mẹ đẻ để được nương nhờ. Từ khi chị N về nhà bố mẹ đẻ và sinh con đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa cả chị N và anh M đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và đều đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: hôn nhân giữa chị N và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc giải quyết ly hôn là giải pháp mà chị N và anh M cùng lựa chọn, đồng thời là giải pháp giúp chị N thoát khỏi bạo lực gia đình. Do

vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh M là phù hợp với thực tế và Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị N và anh M có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/12/2008 và cháu Nguyễn Trần Bảo N1, sinh ngày 20/9/2017. Hiện cháu T đang ở với anh M, còn cháu Bảo N1 đang ở với chị N. Tại phiên tòa hôm nay, cả chị N và anh M đều có nguyện vọng đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T cho anh M nuôi dưỡng, còn cháu Bảo N1 giao cho chị N nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: Từ khi chị N và anh M sống ly thân đến nay, cháu T ở với anh M và học tập ổn định tại địa phương, cháu Bảo N1 dưới 12 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của chị N. Việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và cũng là nguyện vọng chính đáng của các đương sự, do vậy nên giao cháu T cho anh M nuôi dưỡng, giao cháu Bảo N1 cho chị N nuôi dưỡng như nguyện vọng của các đương sự để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị N và anh M phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N nộp toàn bộ án phí cho anh M theo quy định của pháp luật.

Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 8 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Xuân M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 13/12/2008 cho anh Nguyễn Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nguyễn Trần Bảo N1, sinh ngày 20/9/2017 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Xuân M mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Chấp nhận sự tự

nguyện của chị N nộp toàn bộ án phí ly hôn cho anh M. Chị N được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí theo **Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04301 ngày 23/01/2018** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm, chị N đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã LC, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Xuyên